

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: “*Khiếu kiện QĐHC, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn.**

Các Thẩm phán:

ông Trần Quốc Cường.
ông Đinh Phước Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 287/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Ngô Thị S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn H, xã T, thành phố tam K, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Nguyễn S1, Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: G H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: G H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T: ông Nguyễn Minh N - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 10/11/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T:

+ Ông Đinh Hữu T - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T;

+ Ông Lê Quang Đ - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T;

+ Ông Lê Ngọc T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; địa chỉ: F H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp: ông Lê Trí T2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q, là người đại diện theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Trường S2 - Phó giám đốc Sở T6

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1948; địa chỉ: tổ D, thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1950; địa chỉ: tổ D, thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3. Ông Huỳnh Tấn S3, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ A, thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

4. Ông Huỳnh Tấn V, sinh năm 1970; địa chỉ: khối phố M, thành phố T, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện hợp pháp của Ông Huỳnh Tấn S3, Huỳnh Tấn V, bà Huỳnh Thị N1 và bà Huỳnh Thị L: bà Ngô Thị S, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2021 và ngày 22/5/2023),

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người khởi kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Năm 1997, ông Huỳnh N1 có mua 01 lô đất mặt tiền đường Thanh Niên thuộc thôn H của ông Nguyễn Đức H để xây dựng nhà ở nhưng do điều kiện

kinh tế khó khăn nên ông N1 chỉ mới xây dựng được móng nhà với diện tích gần 50m². Năm 2006, thửa đất trên đã bị Nhà nước thu hồi để xây dựng khu dân cư N (giai đoạn 1). Tuy không được bồi thường về đất nhưng ông N1 được bồi thường hỗ trợ về vật kiến trúc (Móng nhà) và cây cối hoa màu trên đất, do bà S là người đại diện đứng ra ký biên bản kiểm kê đền bù và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Năm 2019, bà S biết được tại Thông báo kết luận số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007 của UBND thành phố T đã kết luận “...Đối với nhóm hộ khác là người dân của Tam T3 có nhu cầu về đất ở (Trần Minh H1, Nguyễn Hồng H2, H, Nguyễn T4) thống nhất chủ trương đền bù như báo cáo đề xuất của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư, bố trí cho mỗi hộ 01 lô đất ở theo giá quy định của nhà nước và chỉ lập thủ tục giao đất khi các hộ đã nộp đủ 100% số tiền sử dụng đất của lô đất ở được bố trí” nên bà S làm đơn đề nghị UBND thành phố tam Kỳ giao đất tái định cư theo nội dung Thông báo kết luận.

Ngày 22/3/2021 UBND thành phố T ban hành công văn số 567/UBND-VP về việc trả lời đơn của bà S, theo đó UBND thành phố T cho rằng đến năm 2019 thì hộ bà S mới có đơn đề nghị giải quyết đất ở và việc đề nghị giao đất ở theo giá sàn của bà S là không có cơ sở giải quyết.

Không đồng ý với nội dung công văn số 567/UBND-VP ngày 22/3/2021 của UBND thành phố T, ngày 28/4/2021, bà S khiếu nại thì được Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 với nội dung: “không công nhận nội dung khiếu nại theo đơn khiếu nại của bà Ngô Thị S về việc yêu cầu UBND thành phố T xem xét giải quyết bố trí đất tái định cư cho hộ ông Huỳnh N1 theo Thông báo kết luận số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007 của UBND thành phố T về việc giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu dân cư Nam Tam T5”.

Không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố T, bà S tiếp tục khiếu nại thì được Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 với nội dung: “nội dung đơn của bà Ngô Thị S (đại diện theo ủy quyền của các đồng thừa kế hộ ông Huỳnh N1) khiếu nại Công văn số 567/UBND-VP ngày 22/3/2021 của UBND thành phố T là không có cơ sở pháp lý để xem xét, giải quyết chấp nhận; Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị S, trú tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Ngô Thị S về yêu cầu bố trí một lô đất ở cho hộ ông Huỳnh N1 theo Thông báo số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007 của UBND thành phố T trước đây là đảm bảo theo quy định của pháp luật”.

Ngày 08/7/2022, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Công văn số 567/UBND-VP ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời đơn của công dân; Hủy Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày

12/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q, về việc giải quyết khiếu nại của bà S; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bố trí đất tái định cư cho hộ ông Huỳnh N1 theo Thông báo Kết luận số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố T.

Tại các văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện ngày 25/11/2022, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S, vì: Hộ ông Huỳnh N1 nhận chuyển nhượng trái phép của ông Nguyễn Đức H một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.448m², loại đất ĐRM do UBND xã T đứng tên kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP, ông Nguyễn Đức H quản lý sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc một phần thửa đất số 55, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.088,5 m² theo hồ sơ đo đạc thực hiện dự án khu dân cư N. Ông N1 xây dựng trái phép móng nhà vào năm 2003, sau thời gian họp dân công bố Quyết định số: 125/QĐ-UB ngày 20/01/2000 của UBND tỉnh Q về phê duyệt dự án khả thi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phía Nam xã T (giai đoạn 1), thị xã T (nay T) nên không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ tháo dỡ 20% vật kiến trúc và cây cối. Tại thời điểm năm 2006, khi thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư N thì hộ ông Huỳnh N1 không bị Nhà nước thu hồi đất, không phải di chuyển chỗ ở, đang có đất ở và nhà ở tại thửa đất số 178, tờ bản đồ số 13, diện tích 390m², loại đất ở và vườn đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2004. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại tiết 1.2 khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 13 Quyết định số 31/2005/QĐ-UBND ngày 28/4/2005 của UBND tỉnh Q quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đang có hiệu lực tại thời điểm năm 2006 thì hộ ông Huỳnh N1 không đủ điều kiện để bố trí đất ở tái định cư nộp 100% tiền sử dụng đất. Riêng người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Q, tại phiên tòa còn cho rằng: Thông báo kết luận số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007, thông báo nội dung kết luận của Phó chủ tịch UBND thành phố T với nội dung “*Đối với nhóm hộ khác là người dân của xã T có nhu cầu về đất ở (Trần Minh H1, Nguyễn Hồng H2, H, Nguyễn T4(Ba cơ): Thống nhất chủ trương đền bù như báo cáo đề xuất của Ban BT-GPMB&TĐC và bố trí mỗi hộ 01 lô đất ở theo giá quy định của nhà nước và chỉ lập thủ tục giao đất khi các hộ đã đủ 100% số tiền sử dụng đất của lô đất ở được bố trí*” là không phù hợp với quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại thời điểm thu hồi đất cũng như tại thời điểm hiện nay. Do đó, việc bà S yêu cầu giao đất tái định cư theo nội dung kết luận 319/TB-UBND ngày 07/9/2007 là không có căn cứ để thực hiện. Vì vậy, công văn số 567/UBND-VP ngày 22/3/2021 của UBND thành phố T, Quyết định số 4831/QĐ- UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại của bà S và Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị S đã không chấp nhận yêu cầu của bà S về việc giao đất tái định cư thu 100% tiền sử dụng

đất theo Thông báo kết luận số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007, là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 1 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính 2015; điểm e khoản 1 Điều 43, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, 28, 29, 30, 31, 37 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 6, khoản 2 Điều 14 Quyết định số 31/2005/QĐ - UBND ngày 28/4/2005 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị S về việc:

- Yêu cầu hủy Công văn số 567/UBND-VP ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời đơn của công dân;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị S, hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị S, trú tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (lần hai);

- Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T giao đất tái định cư cho hộ ông Huỳnh N1 theo Thông báo kết luận số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2023 người khởi kiện, bà Ngô Thị S kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị S, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Ngô Thị S thì thấy.

[1.1] Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 4831/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, thời hạn giải quyết khiếu nại trễ hạn, quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, đây là trường hợp khiếu nại phức tạp nên việc xác minh, giải quyết bị kéo dài, dẫn đến việc giải quyết khiếu nại quá hạn nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người khiếu nại.

[2] Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T giao đất tái định cư cho hộ ông Huỳnh N1 theo Thông báo kết luận số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố T thì thấy.

Theo hồ sơ 64/CP thì diện tích đất mà ông Huỳnh N1 xây móng gạch thuộc một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.448m², loại đất ĐRM, đất do UBND xã T đứng tên kê khai đăng ký, Theo hồ sơ đo đạc thực hiện dự án khu dân cư N thì thửa đất trên thuộc một phần thửa đất số 55, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.088,5 m² (trong đó có 200m² đất ở và 3.888,5m² đất trồng cây lâu năm) được qui chủ cho ông Nguyễn Văn H3 nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh quyền sử dụng đất của mình. Theo xác nhận của UBND xã T, thời điểm ông N1 nhận chuyển nhượng đất từ ông H3 và xây dựng trái phép móng nhà 49,41m² vào năm 2003. Việc chuyển nhượng giữa ông N1 và ông H3 là trái pháp luật không được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Do đó, khi giải phóng mặt bằng hộ ông N1 không được thu hồi đất, bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ tiền tháo dỡ vật kiến trúc là đúng với quy định của pháp luật, bà S đại diện cho ông N1 đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng.

[2.1] Tại thời điểm UBND thành phố T thực hiện thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư N vào năm 2006 thì Quyết định số 31/2005/QĐ- UBND ngày 28/4/2005 của UBND tỉnh Q quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đang có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 31/2005/QĐ- UBND ngày 28/4/2005 của UBND tỉnh Q, quy định xử lý một số trường hợp cụ thể về đất ở: *“Người sử dụng đất ở khi Nhà nước thu hồi đất mà thuộc đối tượng không được bồi thường đất ở, nếu không còn nơi ở nào khác thì được xem xét giải quyết cho thuê nhà ở, mua nhà ở hoặc giao đất ở mới tại khu tái định cư. Người được thuê nhà, mua nhà, giao đất ở phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước...”*. Như vậy, đối với trường hợp của ông Huỳnh N1 không đủ điều kiện để bố trí đất ở tái định cư, do tại thời điểm giải phóng mặt bằng để xây dựng khu dân cư Nam Tam T5 vào năm 2006, hộ ông Huỳnh N1 có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T (nay là thôn H) có đất và nhà ở tại thửa đất số 178, tờ bản đồ số 13, diện tích 390m², loại đất ở và vườn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2004. Do đó, nội dung kết luận tại điểm 5, mục II Thông báo kết luận số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007, thông báo về nội dung kết luận của Phó chủ tịch UBND thành phố T giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư khu dân cư N: *“Đối với*

nhóm hộ khác là người dân của xã T có nhu cầu về đất ở (Trần Minh H1, Nguyễn Hồng H2, H, Nguyễn T4 (Ba cơ): Thống nhất chủ trương đền bù như báo cáo đề xuất của Ban BT-GPMB&TĐC và bố trí mỗi hộ 01 lô đất ở theo giá quy định của nhà nước và chỉ lập thủ tục giao đất khi các hộ đã nộp đủ 100% số tiền sử dụng đất của lô đất ở được bố trí” là không đúng với quy định tại Quyết định số 31/2005/QĐ- UBND ngày 28/4/2005 của UBND tỉnh Q, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy Công văn số 567/UBND-VP ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T trả lời đơn của bà S, Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q, giải quyết khiếu nại của bà S, đã không chấp nhận yêu cầu bố trí đất tái định cư cho hộ ông Huỳnh N1 theo Kết luận tại thông báo số 319/TB-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố T là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà S là không có căn cứ để chấp nhận nên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ngô Thị S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai thu số 0000482 ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 1 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính 2015; điểm e khoản 1 Điều 43, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, 28, 29, 30, 31, 37 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 6, khoản 2 Điều 14 Quyết định số 31/2005/QĐ-UBND ngày 28/4/2005 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Bác kháng cáo của bà Ngô Thị S giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam

1. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ngô Thị S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo

biên lai thu 0000482 ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tôn